

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất
đến năm 2030 huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/04/2025 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk; Căn cứ Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của UBND tỉnh về

việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung chỉ tiêu, quy mô, địa điểm và loại đất trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cho cấp huyện;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Buôn Đôn tại Tờ trình số 104/TTr-UBND ngày 13/6/2025; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 196/TTr-SNNMT ngày 16/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Buôn Đôn với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Nội dung phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

a) Diện tích, cơ cấu các loại đất:

- Nhóm đất nông nghiệp: 131.562,35 ha;
- Nhóm đất phi nông nghiệp: 9.450,19 ha;
- Nhóm đất chưa sử dụng: 1,51 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục I)

b) Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng:

- Đưa vào sử dụng nhóm đất nông nghiệp: 707,88 ha;
- Đưa vào sử dụng nhóm đất phi nông nghiệp: 13,14 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục II)

c) Diện tích thu hồi đất:

- Thu hồi nhóm đất nông nghiệp: 968,26 ha;
- Thu hồi nhóm đất phi nông nghiệp: 29,81 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục III)

d) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:

- Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp: 2.807,78 ha;
- Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung: 482,94 ha;
- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp: 6,21 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục IV)

đ) Diện tích các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt:

- Đất trồng lúa: 2.361,86 ha;
- Đất rừng đặc dụng: 94.455,00 ha;
- Đất rừng phòng hộ: 4.258,59 ha;
- Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên: 6.739,43 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục V)

2. Vị trí, diện tích các khu vực đất chuyển mục đích sử dụng, thu hồi đất được xác định theo bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tỷ lệ 1/25.000; bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Buôn Đôn, tỷ lệ 1/25.000; Báo cáo thuyết minh tổng hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Buôn Đôn.

Điều 2. Giao UBND huyện Buôn Đôn tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Công bố công khai Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Buôn Đôn theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai.

2. Tổ chức thực hiện Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Buôn Đôn theo quy định tại Điều 76 Luật Đất đai.

3. Trong quá trình thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Buôn Đôn, căn cứ tình hình thực tế của địa phương, UBND huyện Buôn Đôn *(hoặc cơ quan có thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất)* chủ động rà soát, lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất theo quy định tại Điều 73 Luật Đất đai.

4. Xác định ranh giới và công khai diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên cần bảo vệ nghiêm ngặt; điều tiết phân bổ nguồn lực, trước hết là nguồn ngân sách nhà nước bảo đảm lợi ích giữa các khu vực có điều kiện phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ với các khu vực bảo vệ đất trồng lúa, đất rừng; có biện pháp phù hợp để giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập, để người trồng lúa yên tâm sản xuất; tăng đầu tư hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa các khu vực.

5. Chỉ đạo lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của địa phương đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt; thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất hàng

năm đã được phê duyệt, tuân thủ đúng các quy định pháp luật có liên quan và đảm bảo theo các chỉ tiêu sử dụng đất được phê duyệt trong quy hoạch sử dụng đất.

6. Chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong việc sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

7. Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật đất đai để người sử dụng đất nắm vững các quy định của pháp luật, sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

8. Quản lý, sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhất là khu vực sẽ chuyển mục đích sử dụng đất để tập trung cho phát triển kinh tế và chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển dịch vụ, đô thị để tăng nguồn thu cho ngân sách; đẩy mạnh việc đấu giá quyền sử dụng đất. Khuyến khích sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, khắc phục tình trạng bỏ hoang đất đã giao và đã cho thuê. Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quỹ đất được quy hoạch phát triển đô thị, cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp nhằm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả quỹ đất, khắc phục tình trạng mất cân đối trong cơ cấu sử dụng đất giữa đất ở với đất xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

9. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai, ngăn chặn và xử lý kịp thời các vi phạm trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kiên quyết không giải quyết giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất đối với các trường hợp không có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kiểm tra xử lý các trường hợp đã được giao đất, cho thuê đất nhưng không sử dụng, sử dụng sai mục đích theo quy định của pháp luật đất đai.

10. UBND huyện chịu trách nhiệm về nội dung, tính chính xác của hồ sơ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện theo quy định của pháp luật; định hướng không gian sử dụng đất và hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đối với những khu vực đã có quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn được phê duyệt trong Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Buôn Đôn.

11. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Buôn Đôn về UBND tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Môi trường*) trước ngày 15/10 hằng năm theo quy định tại Điều 77 Luật Đất đai.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Công an tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Buôn Đôn; Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Công nghệ và Công thông tin điện tử tỉnh) chịu trách nhiệm đăng tải Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Lắk./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh (để biết);
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Trung tâm CN và Cổng TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Các phòng: KTTH, CNXD;
- Lưu: VT, NNMT (TLC-05b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn